TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HSST
Ngày 08 - 3 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Phúc Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Chí N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1985, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C; nghề nghiệp: làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh L và bà Nguyễn Thị H; vợ là Nguyễn Thị T; có 01 tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh C phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính ngày 05/6/2019, chưa thực hiện phần trách nhiệm dân sự; tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2022, tạm giam từ ngày 02/11/2022 cho đến nay, bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1996, tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C; nghề nghiệp: làm vuông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V; vợ là Nguyễn Thị Diễm H; tiền án, tiền sự: không

có; bị tạm giữ từ ngày 25/10/2022, tạm giam từ ngày 03/11/2022, bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Hồng S, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 23/10/2022, Nguyễn Minh N rủ Trần Chí N tìm kiếm tài sản để lấy thì N đồng ý. Đến khuya ngày 24/10/2022, Nh và N dùng vỏ máy đến nhà ông Nguyễn Quốc K ở ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C tìm kiếm tài sản. Khi đến, Nh ở lại vỏ máy để canh đường, cảnh giới, còn N đột nhập vào nhà dùng lưỡi lam rạch mùng và giật đứt sợi dây chuyền rồi nhanh chóng bỏ chạy xuống vỏ máy đang đậu dưới sông. Quá trình bị ông Nguyễn Quốc K, bà Nguyễn Hồng S vây bắt, N và Nh đã dùng dầm chống trả, đánh gây thương tích nhằm hành hung để tẩu thoát. Tuy nhiên, bị cáo N bị bắt giữ, còn Nh tẩu thoát, đến ngày 25/10/2022 Nh đến Cơ quan điều tra tự thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 10 chỉ có giá trị là 33.900.000 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại kết luận giám định tỷ lệ tổng thương cơ thể ông Nguyễn Quốc K là 03%, của bà Nguyễn Hồng Sương là 01%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Chí N từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; các điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng các điều 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc Trần Chí N bồi thường cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 36.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Hồng Sương số tiền 10.000.000 đồng; buộc Nguyễn Minh N bồi thường cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp

dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi lam màu trắng, đã qua sử dụng; 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,6 m, mái dầm rộng nhất 10 cm; 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,65 m, mái dầm rộng nhất 10 cm, cán dầm bằng ống nhựa màu xanh dài 10 cm; 01 điện thoại Nokia 105, bàn phím, màu đen, số sê-ri 354275383168119, bên trong có một sim số 0842.728.772, các số trên sim 89840 20001 12183 91082. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T (vợ bị cáo N) 01 máy nổ hiệu HONDA, số máy GX390 CAA3050047, dàn cầu Inox, chân vịt 02 cánh; 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui dài 5,4 m.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Ông Nguyễn Quốc K, bà Nguyễn Hồng S cùng yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T thống nhất cùng chồng là bị cáo Trần Chí N bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Quốc K tổng số tiền 36.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Hồng Sương số tiền 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2]. Các bị cáo khai nhận vào ngày 24/10/2022, Trần Chí N cùng Nguyễn Minh N giật lấy, nhanh chóng chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng có giá trị 33.900.000 đồng của ông Nguyễn Quốc K nhưng bị phát hiện, truy đuổi nên N và Nh đã dùng dầm chống trả, hành hung đối với ông Nguyễn Quốc K, bà Nguyễn Hồng S để tẩu thoát dẫn đến thương tích ông K là 03%, thương tích của bà S là 01%. Tuy nhiên, bị cáo N bị bắt giữ, còn Nh tẩu thoát, đến ngày 25/10/2022, Nh đến Cơ quan điều tra tự thú thừa nhận hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, đã vi phạm pháp luật hình sự.

[3]. Tại phiên các tòa các bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp với kết luận giám định, định giá tài sản và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thì hành vi

của các bị cáo Trần Chí N, Nguyễn Minh N đã cùng phạm vào tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự pháp chế xã hội chủ nghĩa, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bị hại cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị trật tự an toàn xã hội của địa phương.

Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đã đủ 18 tuổi, hoạt động nhận thức bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền để tiêu sài mà không phải lao động chân chính nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật; hậu quả xảy ra cũng là xuất phát từ hành vi, ý chí mong muốn của các bị cáo.

[4]. Trong vụ án này, ban đầu xuất phát từ ý định tìm tài sản để chiếm đoạt từ phía bị cáo Nh nên bị cáo đã rủ bị cáo N cùng tham gia thực hiện, và khi được đề nghị thì bị cáo N đồng ý ngay. Tuy giữa bị cáo Nh và N cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N tìm cách đột nhập vào nhà, Nh ở lại canh đường, cảnh giới và khi bị phát hiện truy đuổi, vây bắt, N và Nh có hành vi chống trả nhằm mục đích tẩu thoát. Xét thấy, các hành vi trên giữa các bị cáo không có bàn bạc, phân công, thỏa thuận từ trước nên các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm hơn do bị cáo là người trực tiếp lấy tài sản, bị cáo đã có hành vi giật cướp lấy tài sản từ phía bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Khi bị truy đổi, vây bắt bị cáo đã gây thương tích cho ông K, bà S nhằm tẩu thoát. Đối với bị cáo Nh tuy là người khởi xướng, rủ rê nhưng bị cáo chỉ có vai trò canh đường, cảnh giới không trực tiếp lấy tài sản và việc bị cáo N chiếm đoạt tài sản là sợi dây chuyền và thủ đoạn, hành vi cướp giật tài sản thì bị cáo không biết trước và khi bị vây bắt bị cáo cùng với N chống trả gây thương tích cho ông K nhằm tẩu thoát và bản thân bị cáo đã chạy thoát. Do đó, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo Nh.

[5]. Về nhân thân, bản thân các bị cáo là những người có nhân thân không tốt. Bị cáo N đã 04 lần phạm tội "Trộm cắp tài sản", 01 lần bị Ủy ban nhân dân tỉnh C áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và lần phạm tội này của bị cáo trong thời hạn chưa được xóa án tích nên bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo Nh đã 01 lần phạm tội "Trộm cắp tài sản" và 01 lần bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Xét thấy, mỗi lần phạm tội, vi phạm đều bị xử lý, giáo dục, cải tạo nhưng các bị cáo không biết hối cải, sửa chữa lỗi lầm của mình mà vẫn tiếp tục phạm tội cho thấy ý thức xem thường pháp luật. Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, mọi hành vi phạm tội phải được xử lý kịp thời theo đúng pháp luật nhằm tạo được lòng

tin trong quần chúng nhân dân, cần thiết phải xử lý nghiêm mới răn đe người phạm tội và có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn chung cho xã hội.

Mặc dù, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, cần được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo N đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội bị cáo Nh cũng đã tự thú, thừa nhận hành vi phạm tội của mình các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Qua đó, cho thấy các bị cáo đã biết hành vi, việc làm của mình là sai trái là vi phạm pháp luật hình sự nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước và pháp luật.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả của các bị cáo gây ra. Xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với các bị cáo với mức hình phạt như nêu trên là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét đối với bị cáo N do còn con nhỏ, vợ phải lao động để khắc phục hậu quả. Đối với bị cáo Nh có con bị khuyết tật nặng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để cho các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Quốc K xác định tài sản bị chiếm đoạt là sợi dây chuyền trọng lượng 10 chỉ vàng 18K đã bị mất không tìm lại được, tài sản có giá trị là 33.900.000 đồng, bị hại yêu cầu các bị cáo N, Nh bồi thường thiệt hại tài sản, sức khỏe và các chi phí khác là 50.000.000 đồng. Hiện gia đình bị cáo N đã bồi thường được 4.000.000 đồng, còn lại 46.000.000 đồng. Bị cáo N đồng ý bồi thường 36.000.000 đồng, bị cáo Nh đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng. Bà Nguyễn Hồng S yêu cầu bị cáo N bồi thường sức khỏe và các chi phí khác là 10.000.000 đồng, bị cáo N đồng ý bồi thường. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

Bà Nguyễn Thị T xác định đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 4.000.000 đồng là tiền của bà, bà không yêu cầu bị cáo N phải trả lại cho bà. Đối với số tiền còn lại bà đồng ý cùng với chồng là bị cáo Trần Chí N khắc phục cho ông K, quá trình điều tra và tại phiên tòa bà đồng ý thỏa thuận cùng chồng là bị cáo N khắc phục hậu quả còn lại cho ông K và bà S xét thấy là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

[7]. Vật chứng vụ án thu giữ gồm: 01 lưỡi lam màu trắng, đã qua sử dụng; 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,6 m, mái dầm rộng nhất 10 cm; 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,65 m, mái dầm rộng nhất 10 cm, cán dầm bằng ống nhựa màu xanh dài 10 cm; 01 điện thoại Nokia 105, bàn phím, màu đen, số sê-ri 354275383168119, bên trong có một sim số 0842.728.772, các số trên sim 89840 20001 12183 91082. Các tài sản

trên là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần thiết tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 máy nổ hiệu HONDA, số máy GX390 GCAA3050047, dàn cầu Inox, chân vịt 02 cánh; 01 vỏ composite hiệu Hữu Vui, dài 5m4. Xét thấy đây là tài sản của bà Nguyễn Thị T, vợ bị cáo N, bà T không biết N dùng vỏ máy để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bà T xét thấy là phù hợp.

Xét thấy, quan điểm xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[8]. Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng có căn cứ để chấp nhận.

[9]. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với quan điểm xử lý vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Chí N, Nguyễn Minh N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Trần Chí N phạm tội "Cướp giật tài sản". Phạt bị cáo Trần Chí N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2022.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 171; các điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội "Cướp giật tài sản". Phạt bị cáo Nguyễn Minh N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 587, 589 và 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Trần Chí N, Nguyễn Minh N, bị hại là ông Nguyễn Quốc K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng S, bà Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Chí N, bà Nguyễn Thị T đồng ý liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), bồi thường cho bà Nguyễn Hồng S số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Bị cáo Nguyễn Minh N bồi thường cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 lưỡi lam màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,6 m, mái dầm rộng nhất 10 cm;

+ 01 cây dầm bằng gỗ, dài 1,65 m, mái dầm rộng nhất 10 cm, cán dầm bằng ống nhựa màu xanh dài 10 cm;

+ 01 điện thoại Nokia 105, bàn phím, màu đen, số sê-ri 354275383168119, bên trong có một sim số 0842.728.772, các số trên sim 89840 20001 12183 91082.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T (vợ bị cáo Trần Chí N):

+ 01 máy nổ hiệu HONDA, số máy GX390 GCAA3050047, dàn cầu Inox, chân vịt 02 cánh;

+ 01 vỏ Composite hiệu Hữu Vui dài 5,4 mét.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 17/01/2023.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Chí N và bị cáo Nguyễn Minh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Trần Chí N và bà Nguyễn Thị T liên đới chịu 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Minh N chịu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án huyện Phú Tân;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Công an huyện Phú Tân;
- Nhà tạm giữ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Công an huyện Phú Tân;
- CC. Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Thành Phước